

1. QUY TẮC THÊM S VÀ ES VÀO SAU ĐỘNG TỪ

- Tận cùng bằng o, s, ch, x, sh, z => thêm es

(mẹo vui: ông Sáu chạy xe SH zổm)

EX: teach - teaches. wash - washes

- Tận cùng là phụ âm + y => đổi i y thành i rồi thêm es.

- Tận cùng là nguyên âm + y => chỉ thêm s

study - studies

play - plays.

- Các trường hợp còn lại chỉ cần thêm s sau động từ.

work - works

2. Dựa trên quy tắc thêm s và es, hãy chọn đ áp án đúng

1. Fly (bay) - flies / flys / flyes

2. Teach (dạy) - teaches / teachs / teach

3. Study (học) - studies / studys / studyes

4. Cry (khóc) - crys / cryes / cries

5. Catch (bắt kịp) - catches / catchs / catch

6. Try (cố gắng) - trys / tries / tryes

7. Write (viết) - writs / writes / writies

8. Pay (trả tiền) - paies / pays / payes

9. Hurry (nhANH lÊN) - hurrys / hurries / hurryes

10. Enjoy (yêu thích) - enjoys / enjoies / enjoyes

11. Come (tới) - coms / comies / comes

12. Apply (áp dụng) - applies / applys / applyes

13. Carry (mang, vác) - carrys / carries / carryes

14. Ride (lái xe) - rides / ridies / rids

15. Copy (sao chép) - copies / copys / copyes

16. Read (đọc) - read / reads/ reades

17. Dry (làm khô) - drys / dries / dryes




18. Fry (rán, chiên) - fries / frys / fryes

19. Push (đẩy) - pushes / push / pushes

20. Sing (hát) - sing / singes / sings

13. Carry (mang, vác) - carries / carries / carries
14. Ride (lái xe) - rides / rides / rides
15. Copy (sao chép) - copies / copys / copies
16. Read (đọc) - read / reads/ reads
17. Dry (làm khô) - dries / dries / dries
18. Fry (rán, chiên) - fries / fries / fries
19. Push (đẩy) - pushes / push / pushes
20. Sing (hát) - sing / sings / sings



 Số 55, Đường 3/2, P.Bắc Hồng, Hồng Lĩnh
 0239.656.3333 - 0946.92.23.23
 lasting Hồng Lĩnh

LASTING

A lasting will, a stable future